

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2006/TT-BNN

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2006

**THÔNG TƯ**

Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng trong buôn, làng là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh Tây Nguyên (sau đây gọi tắt là Quyết định số 304), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung sau:

**I. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Văn bản này quy định về đối tượng được giao rừng, khoán bảo vệ rừng; đối tượng rừng, hạn mức giao, khoán bảo vệ rừng cho các đối tượng; quyền lợi và nghĩa vụ của người được giao, nhận khoán bảo vệ rừng; các bước giao, khoán bảo vệ rừng và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

**2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan Nhà nước, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng buôn, làng là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh Tây Nguyên.

**II. Giao rừng, khoán bảo vệ rừng.****1. Đối tượng được giao rừng, khoán bảo vệ rừng.**

Là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ thuộc những xã có rừng ở Tây Nguyên, nhưng ưu tiên theo thứ tự sau:

- Những hộ gia đình, cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số nghèo chưa có hoặc thiếu đất sản xuất thuộc đối tượng quy định tại Quyết định số 132/2002/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2002 và Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là các Quyết định số 132, 134), nhưng địa phương chưa bố trí được quỹ đất sản xuất hoặc giải quyết bằng các biện pháp khác;

- Những hộ gia đình, cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số nghèo chưa có hoặc thiếu đất sản xuất thuộc đối tượng quy định tại các Quyết định số 132, 134 nhưng tự nguyện nhận rừng, nhận khoán bảo vệ rừng để sản xuất, phát triển kinh tế rừng;

- Những cộng đồng buôn, làng có hộ không có đất hoặc thiếu đất sản xuất thuộc đối tượng quy định tại các Quyết định số 132, 134, có nguyện vọng và đủ năng lực quản lý các khu rừng được giao, khoán bảo vệ.

## **2. Đối tượng rừng được giao, khoán bảo vệ.**

### **2.1. Đối tượng rừng được giao.**

- Rừng sản xuất là rừng tự nhiên không thuộc rừng giàu, trung bình, không đảm bảo cấp trữ lượng hoặc độ tàn che theo quy định (tại điểm 2.2, Mục 2, Phần II, Thông tư này) và rừng sản xuất là rừng trồng do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý;

- Những khu rừng trước đây là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, nhưng sau khi rà soát lại theo tiêu chí phân cấp rừng phòng hộ, rừng đặc dụng quy định tại Quyết định số 61/2005/QĐ-BNN ngày 12 tháng 10 năm 2005 và Quyết định số 62/2005/QĐ-BNN ngày 12 tháng 10 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được chuyển thành rừng sản xuất và không đảm bảo cấp trữ lượng hoặc độ tàn che theo quy định (tại điểm 2.2, Mục 2, Phần II, Thông tư này);

- Những khu rừng thiêng, rừng nghĩa trang, rừng bảo vệ mỏ nước của buôn, làng là rừng sản xuất và những khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, nhưng cộng đồng đã sử dụng từ trước thì điều chỉnh quy hoạch và giao cho cộng đồng;

- Diện tích đất lâm nghiệp không có rừng được quy hoạch để trồng rừng sản xuất do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

### **2.2. Đối tượng rừng được khoán bảo vệ:**

- Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ hiện do các ban quản lý rừng, lâm trường, công ty lâm nghiệp... là chủ rừng;

- Rừng sản xuất là rừng tự nhiên do các lâm trường, ban quản lý rừng, công ty lâm nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhưng đang đóng cửa rừng hoặc trong kế hoạch 5 năm tới không khai thác và tùy theo từng loại rừng phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Rừng lá rộng thường xanh, nửa rụng lá và rừng lá kim có trữ lượng lớn hơn hoặc bằng  $130\text{m}^3/\text{ha}$ ;

+ Rừng khộp có trữ lượng lớn hơn hoặc bằng  $100\text{m}^3/\text{ha}$ ;

- + Rừng hỗn giao gỗ, tre nứa, trong đó trữ lượng gỗ lớn hơn hoặc bằng 70m<sup>3</sup>/ha;
- + Rừng tre, nứa, lồ ô... có độ tàn che lớn hơn 80%.

### **3. Hạn mức giao rừng, khoán bảo vệ rừng**

#### **3.1. Hạn mức giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân**

Thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 4 Quyết định số 304, nhưng tùy theo điều kiện cụ thể về quỹ đất, quỹ rừng của xã được xử lý như sau:

a) Nếu quỹ đất, quỹ rừng của xã lớn hơn nhu cầu của người dân thuộc đối tượng được giao rừng thì phải ưu tiên giao những diện tích gần dân thuận lợi cho công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển sản xuất.

b) Nếu quỹ đất, quỹ rừng của xã thấp hơn so với nhu cầu của người dân thì sẽ tổ chức họp dân để các hộ tự thỏa thuận, trong trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ giảm cùng một tỷ lệ để đảm bảo công bằng giữa các hộ.

#### **3.2. Hạn mức giao rừng cho cộng đồng:**

Căn cứ vào quỹ đất, quỹ rừng thực tế của xã và nhu cầu để xác định quy mô diện tích giao cho cộng đồng, nhưng tối đa không được lớn hơn tổng hạn mức của các hộ thuộc đối tượng được giao có trong cộng đồng cộng lại (hạn mức giao rừng của từng hộ gia đình, cá nhân trong cộng đồng thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 4 Quyết định số 304).

#### **3.3. Hạn mức khoán bảo vệ rừng**

a) Hạn mức khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân.

Thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 4 Quyết định số 304. Trong trường hợp quỹ rừng của xã hoặc của chủ rừng không đáp ứng được hạn mức tối thiểu thì giảm bớt số hộ để thực hiện giải pháp hỗ trợ khác, việc xác định số hộ được khoán trong trường hợp này do người dân tự bình chọn trong cộng đồng buôn, làng.

b) Hạn mức khoán bảo vệ rừng cho cộng đồng

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng quỹ rừng, bên giao khoán quyết định quy mô diện tích giao khoán cho cộng đồng, nhưng phải phù hợp với điều kiện và trình độ quản lý của cộng đồng.

### **4. Các bước giao rừng, khoán bảo vệ rừng.**

Về cơ bản, các bước thực hiện theo quy định tại Công văn số 1268/CV-BNN-LN

ngày 01/6/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và có bổ sung, điều chỉnh một số điểm, cụ thể như sau:

**Bước 1:** Công tác chuẩn bị: Do chủ rừng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, bao gồm:

- Rà soát, thống kê đối tượng được giao rừng, khoán bảo vệ rừng theo thứ tự ưu tiên (quy định tại Mục 1, Phần II, Thông tư này) ở từng buôn, làng, xã;

- Căn cứ vào hạn mức giao rừng, khoán bảo vệ rừng quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 304 và quỹ rừng thực tế của đơn vị và địa phương, dự kiến quy mô, vị trí khu rừng để giao, khoán bảo vệ ở từng buôn, làng, xã;

**Bước 2:** Chủ rừng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp dân theo từng buôn, làng để lựa chọn, bình bầu đối tượng và xác định hạn mức; phổ biến chủ trương, chính sách thực hiện trong giao rừng, khoán bảo vệ rừng theo quy định tại Quyết định số 304;

**Bước 3:** Xây dựng phương án triển khai:

- Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án giao đất, giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng tại địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Các chủ rừng chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cộng đồng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

**Bước 4:** Đánh giá, xác định hiện trạng rừng:

Do các đơn vị chuyên ngành hoặc các chủ rừng tự thực hiện theo phương pháp điều tra đơn giản (chủ yếu dựa vào kết quả kiểm kê rừng tại thời điểm gần nhất và có phúc tra tại thực địa). Hiện trạng rừng chia theo 3 loại:

\* Trạng thái A: gồm rừng tự nhiên là rừng giàu, trung bình (trữ lượng bình quân hoặc độ tàn che đạt mức quy định tại điểm 2.2, Mục 2, Phần II, Thông tư này).

\* Trạng thái B: rừng thứ sinh nghèo, rừng phục hồi (trữ lượng bình quân hoặc độ tàn che nhỏ hơn mức quy định ở trạng thái A nêu trên).

\* Trạng thái C: diện tích đất trống không có rừng phải tiến hành khoanh nuôi tái sinh, hoặc trồng lại rừng.

**Bước 5:** Bàn giao hiện trường:

Sau khi phương án đã được phê duyệt, đại diện của xã hoặc chủ rừng cùng cá nhân, hộ gia đình, hoặc nhóm đại diện của cộng đồng, xác định ranh giới cụ thể ngoài thực địa (đánh dấu sơn, hoặc cắm mốc cố định) của khu rừng được giao, khoán bảo vệ, đồng thời xác định vị trí, diện tích đất sản xuất nông nghiệp tại chỗ cho người dân (nếu có). Lập biên bản bàn giao hiện trường đối với từng hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng.

**Bước 6:** Cấp giấy chứng nhận, lập hồ sơ khoán:

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ giao đất, giao rừng cho cá nhân và cộng đồng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp quyền sử dụng đất;
- Các chủ rừng lập hợp đồng khoán bảo vệ rừng và ký kết hợp đồng thỏa thuận trực tiếp với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng.

**Bước 7:** Xác định mức hưởng lợi từ rừng:

- Căn cứ trạng thái rừng khi giao, các chủ rừng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án phân chia hưởng lợi sản phẩm từ rừng cụ thể cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng buôn, làng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;
- Căn cứ vào hiện trạng rừng khi giao khoán và mức tăng trưởng của rừng (mức tăng trưởng rừng bình quân 1 năm ở các tỉnh Tây Nguyên từ 1,5 - 2%), các chủ rừng xây dựng phương án phân chia hưởng lợi sản phẩm từ rừng cho từng đối tượng nhận khoán, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

**III. Quyền lợi và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng được giao rừng, khoán bảo vệ rừng.**

**1. Quyền lợi**

**1.1. Đối với trường hợp được giao rừng và đất trồng rừng sản xuất.**

Ngoài chế độ hưởng lợi theo quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều 5 Quyết định số 304, người dân còn có các quyền lợi sau:

a) Được hưởng toàn bộ sản phẩm thu hoạch trên diện tích rừng được giao, bao gồm:

- Sản phẩm gỗ, lâm sản tận thu, tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh theo quy phạm các giải pháp lâm sinh áp dụng cho rừng sản xuất gỗ và tre nứa ban hành kèm theo Quyết định số 200/QĐ-KT ngày 31/3/1993 của Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

- Khi rừng tự nhiên, rừng trồng chưa đủ điều kiện khai thác chính, thì được khai thác gỗ để giải quyết các nhu cầu thiết yếu của hộ gia đình, như làm nhà mới, sửa chữa, thay thế nhà cũ. Mức khai thác cho mỗi hộ không quá 10m<sup>3</sup> gỗ tròn (cho một lần làm nhà mới, sửa chữa, thay thế nhà cũ). Thủ tục khai thác thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 03/2005/QĐ-BNN ngày 07/01/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Sản phẩm khai thác chính khi rừng tự nhiên đến tuổi khai thác, theo quy định tại Quy chế khai thác gỗ và lâm sản khác, ban hành kèm theo Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

- Sản phẩm khai thác tận dụng, tận thu, khai thác chính từ rừng trồng trên đất không có rừng; tuổi khai thác; phương thức khai thác, thủ tục khai thác do người trồng rừng tự lựa chọn và quyết định.

b) Được hỗ trợ cây giống chất lượng cao để trồng rừng sản xuất.

- Mức hỗ trợ: trồng cây gỗ nhỏ mọc nhanh, cây lâm đặc sản 1.500.000đồng/ha, cây gỗ lớn 2.500.000đồng/ha;

- Phương thức hỗ trợ: giao cho đơn vị có chức năng, đảm bảo sản xuất giống đạt chất lượng, có nguồn gốc rõ ràng để thực hiện việc gieo ươm và cung ứng trực tiếp đến người dân.

c) Được tham gia và hưởng lợi từ các dự án khuyến nông, khuyến lâm trên địa bàn.

## **1.2. Đối với trường hợp nhận khoán bảo vệ rừng.**

Ngoài chế độ được hưởng lợi theo quy định tại khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 6 Quyết định số 304, người dân còn được hưởng các sản phẩm thu hoạch trên diện tích rừng được khoán, bao gồm:

- Sản phẩm gỗ, tre nứa tận thu, tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh theo Quy phạm các giải pháp lâm sinh áp dụng cho rừng sản xuất gỗ và tre nứa ban hành kèm theo Quyết định số 200/QĐ-KT ngày 31/3/1993 của Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Tỷ lệ hưởng lợi theo quy định tại quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp (sau đây gọi tắt là Quyết định số 178);

- Toàn bộ sản phẩm là lâm sản ngoài gỗ, tre nứa thu hái từ rừng tự nhiên, rừng trồng (trừ các loại nguy cấp, quý hiếm theo quy định của Chính phủ);

- Đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên, nếu chưa đủ điều kiện khai thác chính và rừng phòng hộ, được khai thác tận dụng gỗ từ việc chăm sóc, tỉa thưa rừng để giải quyết các nhu cầu thiết yếu của hộ gia đình, như làm nhà mới, sửa chữa thay thế nhà cũ. Mức khai thác cho mỗi hộ không quá 10m<sup>3</sup> gỗ tròn (cho một lần làm nhà mới, sửa chữa, thay thế nhà cũ). Thủ tục khai thác, thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 03/2005/QĐ-BNN ngày 07 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Sản phẩm khai thác chính từ rừng trồng, rừng tự nhiên khi đến tuổi khai thác được quy định tại Quy chế khai thác gỗ và lâm sản khác, ban hành kèm theo Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07 tháng 7 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tỷ lệ hưởng lợi theo quy định tại Quyết định số 178;

Được hỗ trợ cây lâm nghiệp; tham gia và hưởng lợi từ các dự án khuyến nông, khuyến lâm trên địa bàn như đối với trường hợp được giao rừng và đất trồng rừng sản xuất.

## 2. Nghĩa vụ

Ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 7 Quyết định số 304, các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng được giao rừng, khoán bảo vệ rừng còn có các nghĩa vụ sau:

2.1. Sử dụng rừng được giao, được khoán bảo vệ đúng mục đích, đúng quy hoạch; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng và chủ rừng về kế hoạch sản xuất, quy trình kỹ thuật trong quá trình sử dụng rừng được giao, được khoán bảo vệ;

2.2. Nếu vi phạm các điều khoản trong quyết định giao rừng, hoặc hợp đồng khoán bảo vệ rừng thì bị thu hồi quyết định theo quy định của pháp luật về đất đai, hoặc hủy bỏ hợp đồng khoán bảo vệ;

2.3. Trả lại rừng và đất rừng được giao, được khoán bảo vệ khi cơ quan chức năng có thẩm quyền thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai;

2.4. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người lao động đối với chủ sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động;

2.5. Đóng đầy đủ các loại thuế theo quy định của pháp luật.

## **IV. Tổ chức thực hiện.**

### **1. Trách nhiệm thực hiện**

#### **1.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Tổ chức sơ kết đánh giá các mô hình giao rừng, khoán rừng theo Công văn số 1268/CV-BNN-LN ngày 01 tháng 6 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn tạm thời các bước giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh Tây Nguyên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp kế hoạch kinh phí rà soát 3 loại rừng; giao rừng, khoán bảo vệ rừng thí điểm ở Tây Nguyên theo đề án được duyệt.

- Ban hành sổ tay hướng dẫn về phương pháp, hệ thống mẫu biểu trong giao rừng, khoán bảo vệ rừng; kiểm tra thực hiện việc giao rừng, khoán bảo vệ rừng ở các địa phương theo đúng tiến độ.

- Chỉ đạo các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và triển khai các dự án khuyến nông, khuyến lâm tại các khu vực đã tổ chức giao rừng, khoán bảo vệ rừng thí điểm.

#### **1.2. Ủy ban nhân dân các tỉnh Tây Nguyên.**

- Tổ chức triển khai rà soát quy hoạch, xác định ranh giới 3 loại rừng trên bản đồ và tại thực địa đến buôn, làng.

- Tiếp tục triển khai và hoàn thành đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh theo Nghị định 200/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp tục rà soát, xác định chi tiết về số hộ còn thiếu đất sản xuất thuộc đối tượng quy định tại các Quyết định số 132, 134 của Thủ tướng Chính phủ nhưng địa phương chưa bố trí được quỹ đất sản xuất hoặc các giải pháp khác thay thế mà phải chuyển sang hình thức giao rừng, khoán bảo vệ rừng;

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở, Ngành có liên quan và chủ rừng xác định quỹ đất, quỹ rừng, tổng hợp số hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng có nhu cầu được giao rừng, khoán bảo vệ rừng để xây dựng phương án trình cấp có thẩm quyền (quy định tại Mục 4, Phần II) phê duyệt.



- Tổng hợp nhu cầu kinh phí giao rừng, khoán bảo vệ rừng thí điểm tại địa phương, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, Ngành tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Chỉ đạo các chủ rừng, Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan liên quan tổ chức ngay việc giao rừng, khoán bảo vệ rừng thí điểm cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 304.

## **2. Tiến độ thực hiện.**

- Trong tháng 4/2006, các địa phương hoàn thành việc phê duyệt phương án giao rừng, khoán bảo vệ rừng, tổng hợp nhu cầu kinh phí, báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, Ngành để trình Thủ tướng Chính phủ. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành sổ tay hướng dẫn về phương pháp, hệ thống mẫu biểu trong giao rừng, khoán bảo vệ rừng, triển khai tập huấn cho các địa phương.

- Từ tháng 5 - 9/2006 triển khai tại thực địa và hoàn thành công tác giao rừng, khoán bảo vệ rừng thí điểm cho hộ gia đình và cộng đồng trong buôn, làng là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh Tây Nguyên theo Quyết định số 304.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết chương trình giao rừng, khoán bảo vệ rừng thí điểm, đề xuất biện pháp tổ chức triển khai trong phạm vi toàn quốc, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trong quý IV năm 2006.

## **3. Hiệu lực thi hành.**

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**

**Diệp Kinh Tân**